

Số ~~2345~~ /TB-HĐTD

Hòa Bình, ngày ~~10~~ tháng 12 năm 2018

THÔNG BÁO
Của Hội đồng xét tuyển dụng viên chức
khối trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BNV ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ về việc ban hành Quy chế thi tuyển, xét tuyển viên chức; Quy chế thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức và Nội quy kỳ thi tuyển, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;

Thực hiện Quyết định số 2349/QĐ-SGD&ĐT ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2018,

Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình thông báo Danh sách kết quả kiểm tra, sát hạch thông qua phỏng vấn ngày 01 tháng 12 năm 2018 đến toàn thể thí sinh tham gia kiểm tra, sát hạch biết (kết quả chi tiết có danh sách kèm theo)./. 

Nơi nhận:

- Website Sở GD&ĐT;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, HĐTD (05b).

T.M HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CHỦ TỊCH



Đinh Thị Hương

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2018

KẾT QUẢ PHỎNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2018

Phòng số: 1

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
1	0001	Hà Văn Duy	13/02/1993	Nam	Tày	DT	ĐH	Sư phạm Toán	TB	GV TOAN-NTBDa	x	6.63		40	212.60	
2	0002	Cần Thị Loan	15/10/1995	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-NTBDa	x	7.35		38	223.00	
3	0003	Nguyễn Thị Trang	12/05/1986	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	TBK	GV TOAN-NTBDa		6.09	5.50	25	165.90	
4	0004	Bùi Đức Tuấn	07/09/1986	Nam	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán	TB	GV TOAN-NTBDa		5.79	6.00			Bỏ thi
5	0005	Đinh Thị Thu Uyên	25/02/1995	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	XS	GV TOAN-NTBDa	x	8.56		31	233.20	
6	0006	Bùi Huy Hoàng	27/11/1995	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Vật lý	TB	GV LY-NTBDaBa	x	6.47				Bỏ thi
7	0007	Phạm Thị Thanh Tâm	20/01/1991	Nữ	Kinh		Th.S	LL&PPDH Vật lý		GV LY-NTBDaBa		8.15	8.80	50	269.50	
8	0008	Hà Văn Yên	19/12/1994	Nam	Tày	DT	ĐH	Sư phạm Vật lý	TB	GV LY-NTBDaBa	x	6.33		20	166.60	
9	0009	Xa Văn Thu	25/07/1991	Nam	Mường	DT	CĐ	Sư phạm Văn - Sử	TBK	GV VAN-NTBDaB		6.20	7.30	20	175.00	
10	0010	Nguyễn Thị Ngân	08/03/1996	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-NTLuon	x	7.89		65	287.80	
11	0011	Trần Thị Bích Phương	30/05/1995	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-NTLuon	x	7.36		65	277.20	
12	0012	Đinh Thị Bắc	26/06/1984	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TBK	GV VAN-NTLacS		6.32	7.50	25	188.20	
13	0013	Bùi Thị Danh	10/02/1995	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-NTLacS	x	7.39		26	199.80	
14	0014	Bùi Thị Hiền	02/04/1989	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-NTLacS	x	7.52		65	280.40	
15	0015	Bùi Thị Phương Thảo	05/06/1996	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-NTLacS	x	7.82		45	246.40	
16	0016	Hoàng Thị Thùy	19/01/1987	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TBK	GV VAN-NTLacS		6.66	6.75	52	238.10	
17	0017	Nguyễn Thị Hường	06/06/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-NTMai	x	7.57		45	241.40	
18	0018	Nguyễn Minh Thoa	29/04/1995	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-NTMai	x	7.12		50	242.40	
19	0019	Hà Thị Vinh	28/02/1989	Nữ	Tày	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	TB	GV TOAN-NTMai	x	6.63		55	242.60	
20	0020	Quách Thị Vượng	12/06/1995	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-NTMai	x	7.48		25	199.60	
21	0021	Bùi Thị Hợi	22/01/1995	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	TB	GV ANH-NTKimB	x	6.61		30	192.20	

(Chữ ký)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2018

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2018

Phòng số: 1

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
22	0022	Bùi Thị Soi Ngân	02/11/1987	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	GV ANH-NTKimB		7.18	5.92	25	181.00	
23	0023	Phạm Thu Thảo	20/11/1994	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	GV ANH-NTKimB	x	7.45		58	265.00	
24	0024	Hồ Thu Thủy	21/01/1995	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	TB	GV ANH-NTKimB	x	6.23		30	184.60	
25	0025	Quách Đại Nghĩa	14/09/1982	Nam	Mường	DT	ĐH	Công nghệ Thông tin	TBK	GV TIN-NTNocS		6.08	7.20	50	232.80	
26	0026	Vũ Thị Thu Hằng	13/12/1991	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	GV SINH-TXTanL	x	7.49		30	209.80	
27	0027	Bùi Như Hoa	29/04/1989	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	GV SINH-TXTanL		7.33	7.50	60	268.30	
28	0028	Nguyễn Ngọc Minh	06/07/1991	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	GV SINH-TXTanL	x	7.54		30	210.80	
29	0029	Bùi Thị Thảo Phương	25/03/1994	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	GV SINH-TXTanL	x	7.21		70	284.20	
30	0030	Bùi Thị Quế	27/12/1990	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	GV SINH-TXTanL		7.35	9.90	35	242.50	
31	0031	Bùi Thị Thanh	20/05/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Sinh học	Giỏi	GV SINH-TXTanL	x	8.13				Bỏ thi
32	0032	Bùi Thị Thảo	05/06/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Sinh học	Giỏi	GV SINH-TXTanL	x	8.32		30	226.40	

Ghi chú: Các cột N.Sinh (Năm sinh), GT (Giới tính), D.Tộc (Dân tộc), DUT (Diện ưu tiên), LNT (Loại tốt nghiệp), T.Chỉ (Học theo tín chỉ), ĐHT (Điểm học tập), ĐTN (Điểm tốt nghiệp), BT (Bỏ thi), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)

Thư ký



Bùi Văn Phong

Hòa Bình, ngày 10 tháng 12 năm 2018
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Đinh Thị Hương

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2018

KẾT QUẢ PHỎNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2018

Phòng số: 2

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chi	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
1	0033	Vũ Lan Hương	05/06/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán	TB	GV TOAN-NTNgo	x	6.10		36	194.00	
2	0034	Quách Thị Liên	05/03/1990	Nữ	Mường	DT	Th.S	Toán học		GV TOAN-NTNgo		7.39	8.90	50	262.90	
3	0035	Nguyễn Thế Hiệp	13/10/1995	Nam	Kinh		ĐH	Giáo dục Thể chất	Khá	GV GDTC-NTNgo		7.40	7.50	37	223.00	
4	0036	Đinh Long Thọ	28/12/1995	Nam	Mường	DT	ĐH	Giáo dục Thể chất	Khá	GV GDTC-NTNgo	x	7.25		39	223.00	
5	0037	Bùi Văn Tình	22/12/1994	Nam	Mường	DT	ĐH	Giáo dục Thể chất	Khá	GV GDTC-NTNgo		7.12	8.15	20	192.70	
6	0038	Bùi Văn Hoan	10/01/1986	Nam	Mường	DT	CĐ	Sư phạm Mỹ thuật	TBK	GV MYTHUAT-N		6.19	8.50	20	186.90	
7	0039	Trịnh Thị Mai	04/12/1985	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Mỹ thuật	Khá	GV MYTHUAT-N		7.37	5.50	32	192.70	
8	0040	Trịnh Thị Phương Thảo	20/06/1993	Nữ	Kinh		CĐ	Sư phạm Mỹ thuật	TBK	GV MYTHUAT-N		6.67	7.83			Bỏ thi
9	0041	Bùi Thị Minh Thư	20/11/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Mỹ thuật	Giỏi	GV MYTHUAT-N		8.27	9.00	43	258.70	
10	0042	Trần Thị Thùy Chinh	30/12/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-ThachYe	x	7.34				Bỏ thi
11	0043	Đinh Thị Diễm	24/09/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Hóa học	Giỏi	GV HOA-ThachYe	x	8.33		35	236.60	
12	0044	Nguyễn Tuấn Dũng	08/08/1995	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-ThachYe	x	7.12		33	208.40	
13	0045	Nguyễn Thị Hằng	02/09/1988	Nữ	Kinh		Th.S	Hóa học		GV HOA-ThachYe	x	7.91		35	228.20	
14	0046	Nguyễn Thị Thanh Hoa	24/02/1995	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Giỏi	GV HOA-ThachYe	x	7.71		44	242.20	
15	0047	Vũ Thị Hương	19/02/1995	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-ThachYe	x	7.09		34	209.80	
16	0048	Khuong Văn Nam	05/10/1989	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	TB	GV HOA-ThachYe	x	6.82		28	192.40	
17	0049	Bùi Thị Nga	07/01/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-ThachYe	x	7.40		32	212.00	
18	0050	Nguyễn Thị Thanh Nhàn	04/08/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-ThachYe	x	7.34				Bỏ thi
19	0051	Trần Quang Phát	25/02/1989	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-ThachYe	x	7.09		50	241.80	
20	0052	Bùi Thị Thắm	02/12/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-ThachYe	x	7.56		35	221.20	
21	0053	Trương Thị Trang	25/02/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Giỏi	GV HOA-ThachYe	x	8.18		37	237.60	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2018

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2018

Phòng số: 2

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
22	0054	Vũ Quang Hòa	16/01/1990	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Sinh học	TB	GV SINH-ThachYe	x	6.11		28	178.20	
23	0055	Vương Thị Minh Huyền	16/07/1996	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	GV SINH-ThachYe	x	7.21		33	210.20	
24	0056	Bùi Thúy Hương	04/09/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	GV SINH-ThachYe	x	7.39		52	251.80	
25	0057	Bùi Thị Luyến	19/01/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Sinh học	Giỏi	GV SINH-ThachYe	x	8.29		32	229.80	
26	0058	Phùng Thị Ngọc	04/09/1992	Nữ	Dao	DT	ĐH	Sư phạm Sinh - Hóa	Khá	GV SINH-ThachYe	x	7.88		0	157.60	
27	0059	Bùi Thị Hồng Thảo	05/10/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	GV SINH-ThachYe	x	7.14		33	208.80	
28	0060	Nguyễn Thị Thu Hòa	24/07/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Vật lý	Khá	GV LY-NamLgS	x	7.50				Bỏ thi
29	0061	Đinh Thị Kiều Oanh	06/10/1996	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Vật lý	Khá	GV LY-NamLgS	x	6.94		33	204.80	
30	0062	Lê Thanh Tâm	27/11/1995	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Vật lý	Khá	GV LY-NamLgS	x	7.13		41	224.60	
31	0063	Đào Thị Thu Thủy	02/11/1996	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Vật lý	Giỏi	GV LY-NamLgS	x	8.01		50	260.20	

Ghi chú: Các cột N.Sinh (Năm sinh), GT (Giới tính), D.Tộc (Dân tộc), DUT (Điện ưu tiên), LNT (Loại tốt nghiệp), T.Chỉ (Học theo tín chỉ), ĐHT (Điểm học tập), ĐTN (Điểm tốt nghiệp), BT (Bỏ thi), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)

Thư ký



Bùi Văn Phong

Hòa Bình, ngày 10 tháng 12 năm 2018

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Đinh Thị Hương

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2018

KẾT QUẢ PHỎNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2018

Phòng số: 3

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
1	0064	Bùi Thị Thu Hà	10/06/1989	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-NamLgS		7.14	7.75	42	232.90	
2	0065	Bùi Thị Linh Hương	28/11/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-NamLgS	x	7.88		50	257.60	
3	0066	Nguyễn Thị Ngân	16/12/1990	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TB	GV VAN-NamLgS	x	6.14				Bỏ thi
4	0067	Vũ Thị Phương	02/12/1996	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-NamLgS	x	7.59		40	231.80	
5	0068	Phùng Thị Hà Trang	01/07/1996	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-NamLgS	x	7.23		73	290.60	
6	0069	Nguyễn Thị Diệp	27/07/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Giáo dục Thể chất	Giỏi	GV GDTC-BacSon		8.58	8.00	0	165.80	
7	0070	Bùi Văn Nhung	12/12/1990	Nam	Mường	DT	ĐH	Giáo dục Thể chất	Khá	GV GDTC-BacSon		7.48	7.75	0	152.30	
8	0071	Bùi Thị Thịnh	20/07/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Giáo dục Thể chất	Giỏi	GV GDTC-BacSon		8.30	8.50	78	324.00	
9	0072	Bùi Thị Trái	10/12/1994	Nữ	Mường	DT	ĐH	Giáo dục Thể chất	Giỏi	GV GDTC-BacSon		8.05	9.00	0	170.50	
10	0073	Hoàng Minh Chí	05/02/1993	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Sinh học	TB	GV SINH-KimBoi	x	6.24				Bỏ thi
11	0074	Nguyễn Văn Chiến	12/08/1988	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	GV SINH-KimBoi		7.27	8.00	90	332.70	
12	0075	Đồng Ngọc Cường	02/09/1995	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	GV SINH-KimBoi	x	7.13		30	202.60	
13	0076	Vi Thị Huệ	21/01/1995	Nữ	Nùng	DT	ĐH	Sư phạm Sinh học	Giỏi	GV SINH-KimBoi	x	8.21				Bỏ thi
14	0077	Bùi Minh Nguyệt	09/12/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	GV SINH-KimBoi	x	6.97		55	249.40	
15	0078	Nguyễn Tiến Thạch	09/04/1988	Nam	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Sinh học	TB	GV SINH-KimBoi	x	6.13		0	122.60	
16	0079	Bùi Kim Thảo	04/09/1994	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	GV SINH-KimBoi	x	7.55		37	225.00	
17	0080	Nguyễn Thị Thảo Anh	26/07/1996	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	GV ANH-KimBoi	x	7.13		50	242.60	
18	0081	Bùi Thị Chi	20/04/1994	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	GV ANH-KimBoi	x	7.26		37	219.20	
19	0082	Bùi Thị Tường	05/05/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	Giỏi	GV TOAN-LacSon	x	8.18		37	237.60	
20	0083	Bùi Văn Thu	09/07/1984	Nam	Mường	DT	ĐH	Công nghệ Thông tin	Khá	GV TIN-LacSon		7.45	5.30	30	187.50	
21	0084	Bùi Văn Tùng	15/06/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Giáo dục Thể chất	TBK	GV GDTC-LacSon		6.60	7.00	50	236.00	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2018

KẾT QUẢ PHỎNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2018

Phòng số: 3

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
22	0085	Lê Thị Hiền	20/09/1987	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-CongHoa		8.03	7.75	35	227.80	
23	0086	Trịnh Thị Thu Hoài	10/11/1987	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TBK	GV VAN-CongHoa		6.50	7.50	50	240.00	
24	0087	Đinh Thị Huyền	02/12/1987	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-CongHoa		7.12	8.25	55	263.70	
25	0088	Bùi Thị Quỳnh Nga	04/08/1987	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TB	GV VAN-CongHoa		6.00	5.75	75	267.50	
26	0089	Nguyễn Bích Ngọc	23/09/1988	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TBK	GV VAN-CongHoa		6.20	5.00	32	176.00	
27	0090	Nguyễn Thị Thu Huệ	07/01/1995	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Tin học	Khá	GV TIN-CongHoa	x	7.15		50	243.00	
28	0091	Nguyễn Tuấn Hải	02/08/1995	Nam	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	TB	GV TOAN-DaiDon	x	6.25				Bỏ thi
29	0092	Bùi Thị Hòa	16/02/1989	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-DaiDon		7.21	7.50	35	217.10	
30	0093	Bùi Thị Quê	01/10/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-DaiDon	x	7.30		30	206.00	
31	0094	Nguyễn Chí Tâm	05/09/1993	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Giỏi	GV TOAN-DaiDon	x	8.42		50	268.40	

Ghi chú: Các cột N.Sinh (Năm sinh), GT (Giới tính), D.Tộc (Dân tộc), DUT (Điện ưu tiên), LNT (Loại tốt nghiệp), T.Chỉ (Học theo tín chỉ), ĐHT (Điểm học tập), ĐTN (Điểm tốt nghiệp), BT (Bỏ thi), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)

Thư ký



Bùi Văn Phong

Hòa Bình, ngày 10 tháng 12 năm 2018

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Đinh Thị Hương

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2018

KẾT QUẢ PHỎNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2018

Phòng số: 4

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
1	0095	Nguyễn Thành Chung	01/03/1990	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Vật lý	TB	GV LY-CongHoa	x	6.34		65	256.80	
2	0096	Bùi Thị Phương	18/01/1995	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Vật lý	Khá	GV LY-CongHoa	x	7.24		50	244.80	
3	0097	Nguyễn Thị Trang	25/09/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Vật lý	Khá	GV LY-CongHoa	x	6.97		55	249.40	
4	0098	Hoàng Phúc Thành	18/11/1994	Nam	Kinh		ĐH	Giáo dục Thể chất	Khá	GV GDTC-DaiDon		7.62	9.30	50	269.20	
5	0099	Phạm Minh Thư	15/08/1989	Nam	Kinh		ĐH	Giáo dục Thể chất	Khá	GV GDTC-DaiDon		7.25	7.00	52	246.50	
6	0100	Trần Duy Bình	16/01/1996	Nam	Mường	DT	ĐH	Giáo dục Thể chất	Khá	GV GDTC-TanLac		7.63	8.10	30	217.30	
7	0101	Nguyễn Trung Định	05/03/1995	Nam	Kinh		ĐH	Giáo dục Thể chất	Khá	GV GDTC-TanLac		7.17	7.00	40	221.70	
8	0102	Phạm Việt Đức	19/11/1994	Nam	Kinh		ĐH	Giáo dục Thể chất	Khá	GV GDTC-TanLac		7.59	8.35	40	239.40	
9	0103	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	20/11/1996	Nữ	Kinh		ĐH	Giáo dục Thể chất	Giỏi	GV GDTC-TanLac		8.30	10.00	45	273.00	
10	0104	Trần Quang Trung	20/07/1990	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Tin học	TB	GV TIN-DoanKet	x	6.51		52	234.20	
11	0105	Bùi Thị Diệu	02/11/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Vật lý	Khá	GV LY-MaiChau	x	7.56		40	231.20	
12	0106	Lý Văn Hạnh	08/02/1992	Nam	Dao	DT	ĐH	Sư phạm Vật lý	Khá	GV LY-MaiChau	x	7.72		30	214.40	
13	0107	Bùi Minh Phúc	02/03/1994	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Vật lý	Khá	GV LY-MaiChau	x	6.71		45	224.20	
14	0108	Hà Thị Bích	27/12/1991	Nữ	Thái	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-MaiChau	x	7.45		60	269.00	
15	0109	Nguyễn Hồng Hạnh	13/09/1988	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TBK	GV VAN-MaiChau		6.92	7.50	57	258.20	
16	0110	Cao Thị Nhung	06/01/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-MaiChau	x	8.00		55	270.00	
17	0111	Kiều Văn Thắng	05/06/1994	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-MaiChau	x	7.32		40	226.40	
18	0112	Đinh Thị Huyền Trang	18/07/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-MaiChau	x	7.67		40	233.40	
19	0113	Phạm Kim Tuyền	21/01/1986	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-MaiChau		7.33	8.00	50	253.30	
20	0114	Bùi Thế Anh	23/09/1992	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Vật lý	TB	GV LY-YenHoa	x	6.19		45	213.80	
21	0115	Đỗ Thị Thu Dung	10/02/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	GV ANH-YenHoa	x	7.37		63	273.40	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2018

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2018

Phòng số: 4

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
22	0116	Hà Cao Cường	01/05/1992	Nam	Thái	DT	ĐH	Giáo dục Công dân	TBK	GV GD CD-YenHo	x	6.92		40	218.40	
23	0117	Bùi Linh Hạnh	21/08/1996	Nữ	Mường	DT	ĐH	Giáo dục Công dân	Giỏi	GV GD CD-YenHo	x	7.80		45	246.00	
24	0118	Hoàng Thành Công	14/02/1987	Nam	Mường	DT	ĐH	Tiếng Anh	Khá	GV ANH-MgChien		7.35	7.00	40	223.50	
25	0119	Đinh Thị Quyên	01/03/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Ngôn ngữ Anh	Khá	GV ANH-MgChien	x	7.09		40	221.80	
26	0120	Xa Thị Thòa	04/10/1984	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Giáo dục	Khá	GV GD CD-MgChi		7.49	8.75	55	272.40	
27	0121	Nguyễn Thu Hà	12/09/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-TXLgS	x	7.28		45	235.60	
28	0122	Đỗ Thị Hường	11/09/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Giỏi	GV TOAN-TXLgS	x	7.92				Bỏ thi
29	0123	Nguyễn Nhật Mai	24/10/1995	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-TXLgS	x	7.00		40	220.00	
30	0124	Hoàng Hà Ngân	29/12/1996	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-TXLgS	x	7.72		75	304.40	
31	0125	Bùi Thị Phương	04/04/1991	Nữ	Kinh		ĐH	Toán học	Giỏi	GV TOAN-TXLgS	x	8.40		63	294.00	

Ghi chú: Các cột N.Sinh (Năm sinh), GT (Giới tính), D.Tộc (Dân tộc), DUT (Điện ưu tiên), LNT (Loại tốt nghiệp), T.Chỉ (Học theo tín chỉ), ĐHT (Điểm học tập), ĐTN (Điểm tốt nghiệp), BT (Bỏ thi), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)

Thư ký



Bùi Văn Phong

Hòa Bình, ngày 10 tháng 12 năm 2018

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Đinh Thị Hường

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2018

KẾT QUẢ PHỎNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2018

Phòng số: 5

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chi	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
1	0126	Lò Văn Hòa	13/02/1990	Nam	Thái	DT	ĐH	Công nghệ thông tin	TBK	KTV CNTT-NTB		6.64	9.20	25	208.40	
2	0127	Đỗ Việt Hà	15/01/1996	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	NV GV-NTBMaiC	x	7.94		70	298.80	
3	0128	Phạm Mỹ Hạnh	21/02/1994	Nữ	Thái	DT	ĐH	Giáo dục Chính trị	Khá	NV GV-NTBMaiC	x	6.99		30	199.80	
4	0129	Giàng Thị Hoa	23/07/1992	Nữ	H'Mông	DT	ĐH	Quản lý Giáo dục	TBK	NV GV-NTBMaiC		6.79	6.00	52	231.90	
5	0130	Bùi Thị Lo Liên	22/08/1989	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Giỏi	NV GV-NTBMaiC		8.17	9.00	50	271.70	
6	0131	Bùi Thị Thanh	19/01/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	NV GV-NTBMaiC	x	7.67		45	243.40	
7	0132	Nguyễn Thị Trang	20/03/1995	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	NV GV-NTBMaiC	x	7.78				Bỏ thi
8	0133	Bùi Thị Hiền	12/01/1989	Nữ	Mường	DT	ĐH	Công nghệ thông tin	Khá	KTV CNTT-NTLu		7.20	8.40			Bỏ thi
9	0134	Bùi Thị Thu Hằng	17/08/1990	Nữ	Mường	DT	CĐ	Khoa học Thư viện	TBK	NV TV-NTLacSon		6.78	7.33	36	213.10	
10	0135	Bùi Thị Oanh	26/12/1989	Nữ	Kinh		ĐH	Khoa học Thư viện	Khá	NV TV-NTLacSon	x	7.82		55	266.40	
11	0136	Bùi Văn Huỳnh	24/03/1987	Nam	Mường	DT	ĐH	CNTT	TBK	KTV CNTT-NTCa		6.57	8.40	25	199.70	
12	0137	Vũ Thị Mai Anh	23/03/1991	Nữ	Mường	DT	CĐ	Kế toán	Khá	NV TQVT-NTYen		7.38	9.00	20	203.80	
13	0138	Trần Thị Hương Giang	25/12/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Kế toán	Khá	NV TQVT-NTYen		8.09	6.75			Bỏ thi
14	0139	Đỗ Thị Thu Hà	29/04/1986	Nữ	Kinh		ĐH	Kế toán	Khá	NV TQVT-NTYen		6.80	8.00	60	268.00	
15	0140	Đinh Thị Thu Hương	17/01/1985	Nữ	Kinh		THC	Kế toán	Khá	NV TQVT-NTYen		7.60	8.70	25	213.00	
16	0141	Lê Thị Từ Chương	11/10/1981	Nữ	Kinh		ĐH	Kế toán	TBK	NV VTTQ-DaBac		6.57	8.00	30	205.70	
17	0142	Nguyễn Thị Kiểm	01/10/1994	Nữ	Mường	DT	ĐH	Kế toán	Khá	NV VTTQ-DaBac	x	7.95		55	269.00	
18	0143	Nguyễn Thị Thanh Thủy	27/03/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Kế toán	Khá	NV VTTQ-DaBac		6.89	8.50	60	273.90	
19	0144	Phan Thị Thương	25/03/1996	Nữ	Kinh		ĐH	Kế toán	Giỏi	NV VTTQ-DaBac	x	7.77		40	235.40	
20	0145	Bùi Thị Dịu	02/06/1994	Nữ	Mường	DT	ĐH	Khoa học Thư viện	Khá	NV TV-LacSon	x	7.83		30	216.60	
21	0146	Cù Thị Ngọc	02/11/1988	Nữ	Kinh		ĐH	Khoa học Thư viện	Khá	NV TV-LacSon	x	7.60		29	210.00	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2018

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2018

Phòng số: 5

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
22	0147	Nguyễn Tú Thanh	30/03/1988	Nữ	Mường	DT	ĐH	Thư viện - Thông tin	Khá	NV TV-LacSon		7.96	8.00	58	275.60	
23	0148	Bùi Thị Huyền	16/01/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	NV TBTN-Muong	x	6.94		15	168.80	
24	0149	Nguyễn Thị Thu Hằng	03/10/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Kế toán	TBK	NV VTTQ-YenHoa		6.90	6.50	50	234.00	
25	0150	Nguyễn Ngọc Tuyên	13/07/1990	Nam	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Tin học	TB	KTV CNTT-HVTh	x	6.08		70	261.60	
26	0151	Bùi Văn Phan	23/11/1991	Nam	Mường	DT	ĐH	Công nghệ thông tin	Khá	KTV CNTT-DTNT	x	7.18		15	173.60	

Ghi chú: Các cột N.Sinh (Năm sinh), GT (Giới tính), D.Tộc (Dân tộc), DUT (Diện ưu tiên), LNT (Loại tốt nghiệp), T.Chỉ (Học theo tín chỉ), ĐHT (Điểm học tập), ĐTN (Điểm tốt nghiệp), BT (Bỏ thi), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)

Thư ký



Bùi Văn Phong

Hòa Bình, ngày 10 tháng 12 năm 2018

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Đinh Thị Hương